HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2015/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng tái cơ cấu:

a) Quan điểm tái cơ cấu:

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch vùng và quy hoạch phát triển các ngành liên quan.

Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, người dân và doanh nghiệp là chủ thể của quá trình tái cơ cấu.

Quy hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về công nghiệp chế biến và vùng nguyên liệu phải gắn bó chặt chẽ và tương thích với nhau.

Chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả để đạt được các mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân.

Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp.

Tái cơ cấu là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với thực tế.

b) Mục tiêu tái cơ cấu:

Đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 4%/năm;

Phấn đấu đạt giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha canh tác cây ngắn ngày đến năm 2020 đạt trên 65 triệu đồng. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp đến năm 2020 chiếm 45%.

Phát triển lâm nghiệp: tăng độ che phủ rừng lên 50% vào năm 2015 và 52% giai đoạn 2016-2020; bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường; khắc phục và giảm thiểu thiệt hại do phá rừng tự nhiên và tác động xấu của biến đổi khí hậu.

Giữ ổn định sản lượng khai thác thủy sản ở mức 150.000 tấn/năm - 160.000 tấn/năm; cơ cấu tàu thuyền khai thác theo hướng giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90CV khai thác ở vùng biển ven bờ và vùng lộng, tăng dần số tàu có công suất 400CV trở lên có khả năng khai thác xa bờ.

Phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ dân cư nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 90%.

c) Định hướng tái cơ cấu:

- Tái cơ cấu trồng trọt:

+ Nhóm cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu: cây mì, cây mía để cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

+ Nhóm cây đặc sản: Tập trung phát triển thương hiệu cây tỏi Lý Sơn, cây quế Trà Bồng thành hàng hóa đặc sản chủ lực, sản phẩm đa dạng, phong phú hấp dẫn thị trường trong nước và thế giới, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tái cơ cấu chăn nuôi: Chú trọng phát triển chăn nuôi bò thịt ở đồng bằng, chăn nuôi trâu theo hướng thịt ở miền núi. Chú trọng phát triển đàn lợn theo hướng nạc và chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn sinh học để cung cấp sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và trong nước. Ưu tiên phát triển chăn nuôi ở quy mô trang trại, gia trại; hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ ở nông hộ, gắn với đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tái cơ cấu lâm nghiệp: Chú trọng trồng cây gỗ lớn (cây bản địa) trên cơ sở bố trí cơ cấu lại tỷ lệ các loại cây trồng một cách hợp lý để nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái của rừng; đẩy mạnh phát triển trồng rừng sản xuất thành một ngành kinh tế có vị thế quan trọng đem lại việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng.

- Tái cơ cấu thủy sản: Giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ đối với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; xác định sản phẩm chính của khai thác biển là cá biển và sản phẩm chính nuôi trồng là con tôm. Tăng sản lượng khai thác phải đồng bộ với tăng các dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến tiêu thụ.

- Phát triển công nghiệp chế biến, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm: định hướng phát triển chế biến sâu, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP…) kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm nâng cao giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản.

2. Nội dung tái cơ cấu:

a) Tái cơ cấu trồng trọt:

- Nhóm cây nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến:

+ Cây mì: Phát triển cây mì trở thành cây trồng có khối lượng sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh. Mục tiêu đến 2020, diện tích mì khoảng 18.000 ha, năng suất bình quân đạt từ 240 - 250 tạ/ha. Vùng sản xuất được bố trí tập trung chủ yếu ở các huyện Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng.

+ Cây mía: Mục tiêu đến năm 2020, diện tích cây mía ổn định ở khoảng 5.200 ha, năng suất bình quân đạt 650 tạ/ha, chữ đường đạt 10 CCS. Vùng trồng mía chủ yếu phân bố ở các huyện gần nhà máy chế biến như: Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Sơn Hà.

- Nhóm cây đặc sản:

+ Cây tỏi Lý Sơn: Mục tiêu đến 2020 ổn định ở mức 300 ha, năng suất tỏi tươi 109 tạ/ha; phát triển thương hiệu tỏi Lý Sơn trên thị trường, lấy năng suất và chất lượng là yếu tố trọng tâm để thâm canh. Tập trung nghiên cứu sản xuất tỏi theo hướng bền vững về môi trường (tiết kiệm nước, không thay đất và cát)

+ Cây quế: Mục tiêu đến 2020 diện tích là 5.255 ha. Vùng sản xuất chủ yếu trên đất rừng sản xuất và đất vườn, đất trồng cây lâu năm, thuộc huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Tây Trà.

- Nhóm cây trồng theo lợi thế cạnh tranh:

+ Nhóm cây trồng có lợi thế cạnh tranh và có giá trị gia tăng cao:

Cây lúa: Mục tiêu đến năm 2020, diện tích gieo trồng lúa 71.800 ha (diện tích đất chuyên trồng lúa 35.500 ha), năng suất bình quân đạt 59-60 tạ/ha, sản lượng đạt từ 420.000 - 430.000 tấn. Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao với diện tích 5.000 ha tập trung ở 7 huyện, thành phố ở đồng bằng, gồm: Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Nghĩa Hành, thành phố Quảng Ngãi.

Cây ngô: Mục tiêu đến năm 2020 diện tích gieo trồng tăng lên 12.000 ha, năng suất bình quân đạt từ 58 - 60 tạ/ha; sản lượng ngô đạt trên 70.000 tấn. Vùng trồng ngô tập trung ở bãi đất nà, đất thổ ven sông suối thuộc các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, thành phố Quảng Ngãi và các vùng có điều kiện.

+ Nhóm cây trồng có lợi thế cạnh tranh trung bình:

Cây thực phẩm (cây rau, đậu các loại): Định hướng đến năm 2020, diện tích sản xuất khoảng 18.000 ha (rau 14.000 ha, đậu 4.000ha), sản lượng đạt khoảng 260

ngàn tấn, trong đó có trên 100 ha rau được chứng nhận an toàn. Vùng sản xuất rau tập trung ở vùng bãi bồi ven các sông lớn của tỉnh tại thành phố Quảng Ngãi và các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ.

Cây cỏ làm thức ăn cho trâu, bò: Mục tiêu đến năm 2020, diện tích trồng cỏ đạt 2.500 - 3.000 ha, năng suất bình quân 180 - 200 tấn/ha/năm. Vùng sản xuất bố trí trên đất gò đồi, đất màu kém hiệu quả, các vùng đất thấp ở ven triền núi đang trồng keo chuyển sang trồng cỏ; đồng thời tận dụng đất vườn, bờ vùng, bờ thửa, đất ven sông suối.

Cây lạc (đậu phụng): Định hướng đến năm 2020, diện tích gieo trồng đạt 6.800 ha, năng suất 22 tạ/ha, sản lượng khoảng trên 15.000 tấn. Vùng sản xuất tập trung ở các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Hà, Trà Bồng và thành phố Quảng Ngãi.

Cây cao su: Định hướng đến năm 2020 mở rộng diện tích lên khoảng 3.000 ha. Trồng tập trung ở các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tây Trà và Sơn Hà.

Cây ăn quả: Định hướng đến năm 2020 mở rộng diện tích 3.500 ha. Phát triển trên đất gò đồi ở miền núi, chú trọng phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao ở các huyện: Nghĩa Hành, Bình Sơn, Đức Phổ, Ba Tơ.

- Ngoài các loại cây trồng trên, cần trồng thử nghiệm, tuyển chọn một số cây trồng có giá trị gia tăng cao để đưa vào sản xuất.

b) Tái cơ cấu chăn nuôi:

- Nhóm gia súc, gia cầm có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao:

+ Chăn nuôi bò thịt: xác định bò thịt là sản phẩm hàng hóa của tỉnh. Định hướng đến năm 2020 tổng đàn bò ổn định khoảng 320.000 con, có khoảng 65% bò lai. Chăn nuôi bò được phân bổ tập trung ở các huyện đồng bằng: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Đức Phổ và một số huyện miền núi: Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Minh Long.

+ Chăn nuôi trâu: Định hướng đến năm 2020 tổng đàn trâu có khoảng 65.000 con. Tập trung phát triển đàn trâu ở các huyện miền núi: Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long và một số huyện đồng bằng: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ và Sơn Tịnh.

- Nhóm gia súc, gia cầm có lợi thế cạnh tranh trung bình:

+ Chăn nuôi heo: Định hướng đến năm 2020 ổn định ở mức 450.000-500.000 con; phát triển đàn heo theo hướng nạc; giảm chăn nuôi nhỏ lẻ ở nông hộ, ưu tiên phát triển chăn nuôi heo trang trại, gia trại. Chăn nuôi heo tập trung ở các huyện: Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tịnh và một số vùng có điều kiện.

+ Chăn nuôi gia cầm: Định hướng đến năm 2020 tổng đàn có 4,5 - 5,0 triệu con. Vùng chăn nuôi tập trung ở các huyện: Bình Sơn, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Sơn Hà, Ba Tơ, thành phố Quảng Ngãi và một số vùng có điều kiện.

c) Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp:

Mục tiêu: đến năm 2020 diện tích có rừng là 287.459 ha, trong đó 161.284 ha rừng sản xuất và 126.175 ha rừng phòng hộ.

- Đối với rừng phòng hộ: định hướng đến năm 2020 có 126.175 ha. Bảo vệ tốt diện tích rừng phòng hộ hiện có; phấn đấu mỗi năm trồng mới từ 1.000 - 3.000 ha. Quy hoạch 02 khu bảo tồn thiên nhiên gồm: Khu bảo tồn khu Tây huyện Ba Tơ, diện tích 39.000 ha và Khu bảo tồn Cà Đam huyện Trà Bồng, diện tích 1.000 ha; nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với rừng sản xuất: định hướng đến năm 2020 có 161.284 ha rừng sản xuất. Sản phẩm chính là cây gỗ lớn để cung cấp nguyên liệu cho dân dụng và xuất khẩu. Mỗi năm khai thác và trồng lại khoảng 9.500 ha với trữ lượng gỗ lớn 150m^3/ha, chu kỳ bình quân 12 năm và gỗ nhỏ 70 m^3/ha, chu kỳ bình quân 7 năm. Đến năm 2020, tỷ lệ giống cây trồng lâm nghiệp mới được công nhận vào trồng rừng đạt 60-70%, năng suất rừng trồng tăng lên 20%. Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 với diện tích khoảng 2.000 ha với các loại cây trồng chính là cây Keo và các loại cây bản địa (sao, dầu, lim…)

d) Tái cơ cấu thủy sản:

- Khai thác thủy sản: Đến năm 2020, giữ ổn định sản lượng khai thác ở mức 150.000 - 160.000 tấn/năm, trong đó khai thác nội địa đạt 650 tấn. Số lượng tàu thuyền khai thác đến năm 2020 giảm còn dưới 4.500 chiếc; tổng công suất tàu cá đạt 1.200.000 CV; giảm dần tàu cá có công suất nhỏ dưới 90CV, tăng dần tàu có công suất 400CV trở lên. Giảm tỷ lệ nghề lưới kéo tầng đáy xuống 25%, tăng nghề rê khơi từ 26,18% lên 30%; tăng nghề câu lên 18%; tăng nghề lưới vây lên 13%.

- Nuôi trồng thủy sản: Phấn đấu đến năm 2020, diện tích nuôi thủy sản đạt 2.500 ha, trong đó nuôi nước lợ, mặn khoảng 800 ha, đối tượng nuôi chủ lực là tôm thẻ chân trắng; nuôi nước ngọt khoảng 1.700 ha, đối tượng nuôi chủ lực là cá rô phi đơn tính. Ngoài ra, phát triển nuôi biển có tổng số bè khoảng 30 lồng bè, với diện tích 4.500 - 5.000m^2, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm hùm.

đ) Sản xuất muối: Đến năm 2020, ổn định diện tích sản xuất muối 119 ha; cải tiến quy trình sản xuất chế biến để nâng cao năng suất, tăng tỷ lệ muối sạch, chất lượng cao nhằm nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho diêm dân.

e) Phát triển công nghiệp chế biến và ngành nghề nông thôn:

- Phát triển công nghiệp chế biến:

+ Chế biến nông sản: Khuyến khích các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Mục tiêu đến năm 2020 cung cấp cho các nhà máy trên địa bàn tỉnh khoảng 338.000 tấn mía cây và trên 432.000 tấn củ mì nguyên liệu.

+ Chế biến gia súc, gia cầm: Chuyển dần hình thức giết mổ gia súc, gia cầm phân tán sang hình thức giết mổ tại các cơ sở tập trung nhằm kiểm soát tốt vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Mục tiêu đến năm 2020 có trên 10 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; sản lượng thịt hơi giết mổ khoảng 81.000 tấn.

+ Chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ:

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng công nghiệp chế biến gỗ thành ngành sản xuất có công nghệ tiên tiến, hiện đại, đồng bộ từ sản xuất, cung ứng nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, có khả năng cạnh tranh cao; tăng kim ngạch xuất nhập khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa.

Điều chỉnh cơ cấu sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ theo hướng tăng tỷ trọng giá trị lâm sản ngoài gỗ, sử dụng nguồn nguyên liệu được trồng trong tỉnh, phát triển hài hòa giữa gỗ xây dựng, gỗ mộc dân dụng và gỗ dăm, hạn chế tối đa xuất khẩu các sản phẩm thô, đặc biệt là dăm thô.

+ Chế biến thủy sản:

Phát triển mối liên kết chuỗi sản xuất, khai thác, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chế biến đa dạng hóa các sản phẩm và giảm chế biến thô, sơ chế, nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng có giá trị gia tăng cao, phù hợp với thị hiếu, văn hóa tiêu dùng của từng thị trường, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh sản phẩm của tỉnh.

Mở rộng việc áp dụng quy trình, hệ thống quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm theo ISO, HACCP, GMP, SSOP... tại các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy sản.

- Phát triển ngành nghề nông thôn:

Ổn định sản xuất các làng nghề trong tỉnh hiện có; phát triển các nghề trồng hoa cây cảnh, nghề mây tre đan. Hỗ trợ các cơ sở, làng nghề; xây dựng và phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm của làng nghề.

Đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ở các làng nghề; áp dụng kỹ thuật tiên tiến công nghệ xử lý chất thải, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề.

Phát triển các loại hình sản xuất như: Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Công ty trách nhiệm hữu hạn, ... để phát triển sản xuất, tìm kiếm thị trường, khai thác vốn, thay thế công nghệ mới vào sản xuất, tìm kiếm đối tác.

3. Giải pháp thực hiện:

a) Công tác tuyên truyền: Các cấp chính quyền, Mặt trận tổ quốc và Hội, đoàn thể chính trị xã hội trong tỉnh, các cơ quan truyền thông, Website của tỉnh đưa tin đầy đủ sâu rộng nội dung Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững của tỉnh đến toàn thể nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện.

b) Nâng cao chất lượng quy hoạch, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch: Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, nhất là sự kết hợp giữa quy hoạch vùng với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện công khai, minh bạch đối với các loại quy hoạch.

c) Gắn tái cơ cấu ngành với đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng, kiên cố hóa kênh mương nội đồng, thực hiện tốt việc lồng ghép các Chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn; huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

d) Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất: Thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực:

- Cơ sở hạ tầng thủy lợi: cấp đủ nguồn nước tưới cho 70.000 ha đất canh tác nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tiến tới đảm bảo tưới chủ động cho 100% diện tích lúa 2 vụ, cây công nghiệp ngắn ngày và cây rau màu với tần suất đảm bảo tưới lên 85%; cấp đủ nguồn nước cho sinh hoạt và công nghiệp với mức đảm bảo trên 90%; tạo nguồn và cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối tập trung; đầu tư hệ thống đê điều, kè chống sạt lở để ngăn mặn và tiêu thoát lũ cho khoảng 4.800 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư thuộc vùng sông Thoa (Mộ Đức), Suối Kinh, Sông Phú Vinh (Khu Công nghiệp VSIP, khu dân cư Tịnh Phong huyện Sơn Tịnh); hỗ trợ áp dụng các phương pháp tiết kiệm nước; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi. Nâng cấp Hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham và các công trình thủy lợi, đê điều bị xuống cấp để đảm bảo an toàn công trình trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển thủy lợi ở những vùng khó khăn về nguồn nước tưới, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Cơ sở hạ tầng thủy sản: tiếp tục đầu tư xây dựng các khu neo trú tàu thuyền, các cơ sở hạ tầng thủy sản, chú trọng việc thông luồng các cảng cá, khu neo đậu tàu cá nhằm đảm bảo an toàn tàu thuyền trong mùa mưa bão. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở đóng, sửa tàu cá với quy mô vừa và công nghệ hiện đại, tiến tới đóng, sửa tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới, sản xuất ngư lưới cụ, hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá đồng bộ tại các vùng nghề cá trọng điểm. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển thủy sản.

- Đầu tư xây dựng giao thông nội đồng, giao thông phục vụ sản xuất, quản lý khai thác rừng và cải tạo đồng ruộng.

đ) Sắp xếp, đổi mới tổ chức, hoạt động của các tổ chức kinh tế:

Thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ; thu hồi phần đất sử dụng kém hiệu quả của các chủ rừng để giao cho hộ gia đình hoặc cho các thành phần kinh tế thuê để sử dụng có hiệu quả hơn.

Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản; xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Phát triển các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp với những hình thức phù hợp với nhu cầu của nông dân và Luật Hợp tác xã năm 2013.

Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế trang trại, gia trại, nông hộ theo hướng sản xuất hàng hoá theo hình thức công nghiệp, bán công nghiệp các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, nhu cầu của thị trường lớn. Tạo sự liên kết giữa các trang trại với trang trại, giữa trang trại với Hợp tác xã hoặc doanh nghiệp từ cung ứng vật tư đầu vào đến tiêu thụ sản phẩm.

e) Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm:

- Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi các quy trình, kỹ thuật tiên tiến:

+ Đối với trồng trọt: Áp dụng đồng bộ quy trình canh tác tiên tiến để tăng chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường.

+ Đối với chăn nuôi: Từng bước thực hiện quy trình chăn nuôi tốt nhằm đảm bảo năng suất chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; thực hiện Chương trình Zêbu hóa đàn bò; cải tiến đàn heo theo hướng nạc hóa; hỗ trợ mua trâu bò đực giống nhảy trực tiếp (6 huyện miền núi). Ứng dụng công nghệ cao vào phát triển chăn nuôi, kiểm soát và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học, đệm lót sinh học, sử dụng men vi sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Đối với lâm nghiệp: Ứng dụng khoa học công nghệ để hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển lâm nghiệp như: GIS, viễn thám, điện tử. Tập trung hướng dẫn, khuyến khích mở rộng diện tích rừng sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (FSC). Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô, hom để nhân nhanh các giống cây lâm nghiệp mới có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt. Chú trọng công tác nghiên cứu bảo tồn và phát triển các giống cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

+ Đối với thuỷ sản: Mở rộng diện tích ứng dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ nuôi thâm canh theo tiêu chuẩn VietGAP; nghiên cứu ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nuôi thâm canh một số loại thuỷ sản đặc sản, đặc hữu phù hợp với điều kiện sản

xuất của tỉnh. Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng các khu sản xuất, ươm nuôi giống tập trung. Nhanh chóng ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất giống đã nghiên cứu thành công trong nước để nhập công nghệ sản xuất giống, giống mới, thuỷ sản đặc sản cho giá trị kinh tế cao.

- Đào tạo nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học - kỹ thuật nông, lâm nghiệp tiên tiến, hiện đại cho nông dân; chú trọng đào tạo nghề phi nông nghiệp, đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng, đào tạo chuyển đổi nghề cho ngư dân các vùng ven biển, các xã bãi ngang; triển khai thực hiện các đề án, dự án phát triển nguồn nhân lực. Thường xuyên củng cố, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm đến cấp xã, thôn nhằm phục vụ tốt nhất về hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cho người nông dân trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực phục vụ tái cơ cấu.

g) Cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước:

Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự làm công tác nông nghiệp, bảo đảm có nguồn nhân lực chất lượng để quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện đề án có hiệu quả; giải quyết nhanh, hiệu quả các thủ tục hành chính đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư và sản phẩm nông, lâm, thủy sản; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đổi mới và phát triển mạnh hệ thống dịch vụ công theo chuỗi giá trị sản phẩm (giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, kiểm tra chất lượng nông sản, thị trường tiêu thụ…).

Củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất đi kèm với cơ chế kiểm tra nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, các dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, làm đất, thu hoạch, tiêu thụ và chế biến nông lâm thủy sản.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để kịp thời tổ chức phòng, chống, dập dịch, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

h) Giải pháp thị trường cho tiêu thụ sản phẩm: Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hóa cụ thể; tăng cường phối hợp, liên kết phát triển thị trường tiêu dùng nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu; hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

i) Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong quá trình tái cơ cấu để ngành nông nghiệp phát triển bền vững, góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh của quốc gia; quản lý sử dụng đất tiết kiệm và hiệu quả.

k) Xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách: Triển khai có hiệu quả các

chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; đồng thời xây dựng mới những chính sách, chương trình, đề án cần thiết trong giai đoạn tới như: chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ; chính sách hỗ trợ diêm dân cải tạo đồng muối, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất muối; chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng; khung hưởng lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

l) Giải pháp về huy động nguồn lực:

Khái toán tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án khoảng 8 ngàn tỷ đồng.

Tập trung huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, bao gồm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tạo điều kiện thúc đẩy, huy động các nguồn lực đầu tư xã hội, phát huy nội lực của người nông dân và sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức; đẩy mạnh các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân để huy động nguồn lực xã hội và nâng cao hiệu quả đầu tư; vận động, thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (ODA)… Xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Đối với vốn ngân sách: Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên trong tái cơ cấu nông nghiệp; xác định danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên; đồng thời phân kỳ đầu tư để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 2. Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và kết luận của Chủ tọa kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh, phê duyệt Đề án và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Khóa XI thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2015, tại kỳ họp thứ 15./.

CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng